TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1/2025/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - Thành phố H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Thư ký phiên họp: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố H tham gia phiên họp: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 67/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Đình M, sinh năm 1975
Địa chỉ: Tổ 23, khu phố Thắng Lợi, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai.
(Địa chỉ cũ: Tổ 23, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước)

- *Người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần M
Địa chỉ: số 23 Lê Duẩn, phường S, Thành phố H.
(Địa chỉ cũ: số 23 Lê Duẩn, phường B, Quận M, Thành phố H)

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Quý H, sinh năm 1978
Địa chỉ: số 23 Lê Duẩn, phường S, Thành phố H.
(Theo Giấy ủy quyền số 63/2025/GUQ-MSC ngày 18/7/2025)

2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1970
Địa chỉ: Tổ 8, khu phố A, phường T, Thành phố H.
(Địa chỉ cũ: Tổ 8, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh B).

Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản khai, ông Lê Đình M là người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày:*

Năm 2023, ông có cho anh trai là ông Lê Văn B mượn hồ sơ, thông tin của ông để đi làm ở Công ty Cổ phần M (sau đây gọi là Công ty Masan) từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024 vì ông B làm mất giấy tờ tùy thân nên không đủ điều kiện ứng tuyển lao động. Do không hiểu biết nên ông chỉ nghĩ đây là việc giúp đỡ anh trai có việc làm.

Đồng thời, trong thời gian này, ông đang có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội số sổ 0200045469 tại Công ty TNHH F, địa chỉ: Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Do ông B ký hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 với Công ty Massan và đóng bảo hiểm xã hội với tên ông nên đã đóng trùng bảo hiểm xã hội của ông từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024.

Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 giữa ông Lê Đình M (do ông Lê Văn B thực hiện, có quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024) với Công ty Cổ phần M là vô hiệu.

Ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

** Tại bản khai, ông Lê Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông có mượn hồ sơ của em trai là ông Lê Đình M đi làm, ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần M từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024, đóng bảo hiểm xã hội số sổ 0201010939. Cùng thời gian đó, ông Lê Đình M giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F tại Khu công nghiệp B, huyện Đ, tỉnh B, có số sổ bảo hiểm xã hội là 0200045469, do đó bảo hiểm xã hội của ông Lê Đình M bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024.

Do đó ông đồng ý việc ông Lê Đình M yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 giữa ông Lê Đình M (do ông Lê Văn B thực hiện, có quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024) với Công ty Cổ phần M là vô hiệu.

** Tại bản khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần M có bà Phạm Thị Quý H là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Người lao động xin việc tại Công ty Cổ phần M phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch và xác nhận của chính quyền địa phương đầy đủ. Do người lao động tại Công ty Masan rất đông nên Công ty M căn cứ vào hồ sơ hợp lệ để ký hợp

đồng. Công ty M không thể xác định chính xác người lao động có đúng như hồ sơ không vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc.

Công ty M có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với ông Lê Đình M ngày 26/4/2023. Đến tháng 12/2024, ông M nghỉ việc tại Công ty M và Công ty đã chốt sổ bảo hiểm (số sổ 0201010939) cho ông M. Việc người khác sử dụng thông tin của ông M để giao kết hợp đồng lao động với Công ty là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng.

Công ty Cổ phần M yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật về việc ông Lê Đình M yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Đình M và Công ty Cổ phần M là vô hiệu.

Tại phiên họp:

Ông Lê Đình M, ông Lê Văn B và bà Phạm Thị Quý H là người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần M có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố H phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý việc dân sự tới thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Lê Đình M về việc tuyên bố Hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 giữa ông Lê Đình M (do ông Lê Văn B thực hiện, có quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024) với Công ty Cổ phần M là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố H nhận định:

[1] Ông Lê Đình M có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần M (sau đây gọi là Công ty Masan) là vô hiệu; Nơi giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Masan có địa chỉ tại số 23 Lê Duẩn, phường S, Thành phố H (Địa chỉ cũ: số 23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố H). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33; Điểm d khoản 2 Điều 35; Điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố H.

[2] Ông Lê Đình M, ông Lê Văn B và bà Phạm Thị Quý H là người đại diện hợp pháp của Công ty Masan có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều

367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ việc: Ông Lê Đình M có cho ông Lê Văn B mượn hồ sơ để đi làm. Ông Lê Văn B đã sử dụng hồ sơ của ông Lê Đình M để giao kết, thực hiện Hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 với Công ty Masan và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024 tại Công ty Masan. Thực tế, ông Lê Văn B là người làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024. Ông Lê Văn B cũng thừa nhận về việc ông Bình đã mượn hồ sơ của ông Lê Đình M để giao kết và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty Masan.

[4] Theo Công văn số 58/BHXH ngày 24/7/2025, Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Định xác nhận: Ông Lê Đình M, sinh năm 1975, mã số bảo hiểm xã hội số 0201010939, có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2023 đến tháng 12/2024 tại Công ty Masan.

[5] Như vậy, lời trình bày của ông Lê Đình M và ông Lê Văn B cũng như của Công ty Masan đều phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể từ tháng 05/2023 đến tháng 12/2024, ông Lê Đình M có quá trình tham gia bảo hiểm tại Công ty M nhưng thực chất, người giao kết, thực hiện hợp đồng lao động là ông Lê Văn B. Cùng thời điểm này, ông Lê Đình M đang thực hiện hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0200045469 tại Công ty TNHH F tại Khu công nghiệp B, huyện Đ, tỉnh B.

[6] Theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019 về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019 về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động quy định: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 về hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ quy định: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Do đó, đối chiếu với quy định pháp luật, có cơ sở xác định việc ông Lê Văn B mượn hồ sơ cá nhân của ông Lê Đình M để giao kết Hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024 tại Công ty Masan là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[7] Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu của ông Lê Đình M về việc tuyên bố Hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 giữa ông Lê Đình M (do ông Lê Văn B thực hiện, có quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024) với Công ty Cổ phần M là vô hiệu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

[9] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Đình M phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điểm đ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Đình M:

- Tuyên bố Hợp đồng lao động số 23SF16370/2023 ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng số 23SF16370/2024/PLHĐ-MSC ngày 26/3/2024 giữa ông Lê Đình M (do ông Lê Văn B thực hiện, có quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201010939 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024) với Công ty Cổ phần M là vô hiệu.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Đình M phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000521 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thành phố H). Ông Lê Đình M đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Tp.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Nguyễn Mai Phương